UBND TỈNH KHÁNH HÒA **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4140 /KL-STC	*Khánh Hòa, ngày 29 tháng 8 năm 2014*

KẾT LUẬN THANH TRA
Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Quyết định số 214/QĐ-STC ngày 14/4/2014 và Quyết định số 342/QĐ-STC ngày 27/6/2014 của Giám đốc Sở Tài chính Khánh Hòa về việc thanh tra kinh phí Bảo hiểm y tế (BHYT) thuộc ngân sách địa phương. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra từ ngày 05/5/2014 đến ngày 20/8/2014.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa ngày 25/8/2014 của Đoàn Thanh tra.

Sở Tài chính kết luận như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Khánh Hòa là cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, được thành lập theo Quyết định số 21/QĐ/TC-CB ngày 15/7/1995 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, trụ sở chính 25 Tô Vĩnh Diện, thành phố Nha Trang. Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa có chức năng thực hiện các chế độ chính sách BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, đảm bảo vấn đề an sinh xã hội của tỉnh ngày một phát triển và ổn định bền vững.

Danh sách phát hành thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng BHYT năm 2013 đã được BHXH các huyện, thị, thành phố tự kiểm tra, rà soát giảm do phát hành trùng là 4.596 thẻ, số tiền 1.336.025.002đ và đã chủ động điều chỉnh giảm số trùng. Số thẻ phát hành còn lại cung cấp cho Đoàn Thanh tra tiếp tục kiểm tra, rà soát là 689.616 thẻ, số tiền 197.766.509.487đ.

Chi phí khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi chưa có thẻ BHYT năm 2010, 2011, 2012, 2013 BHXH tỉnh đã chuyển danh sách đề nghị với tổng số tiền 26.251.780.567đ.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Kiểm tra, rà soát việc cấp thẻ BHYT năm 2013:

Đoàn Thanh tra đã kiểm tra, rà soát, chuyển danh sách thẻ nghi ngờ trùng cho cơ quan BHXH xác minh, kết quả sau xác minh:

- Trùng 1068 thẻ, tương ứng giảm số tiền là 473.415.531đ;
- Quyết toán sai 1311 thẻ do tính trùng thời gian tính tiền giữa 02 thẻ, số tiền phải giảm là 194.343.183đ.

Như vậy số thẻ trùng phải giảm 1.068 thẻ và số tiền giảm do quyết toán sai là 667.758.714đ. Trong đó:

+ Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương giảm 194 thẻ, giảm 105.043.050đ *(thân nhân của người có công 3.177.000đ, thân nhân Công an Nhân Dân 101.106.000đ, học sinh, sinh viên các trường học của Trung ương 760.050đ).*

+ Ngân sách tỉnh Khánh Hòa: giảm 874 thẻ, giảm 562.715.664đ.

(Chi tiết theo nguồn kinh phí tại Phụ lục số 01 kèm theo).

Kết quả thanh tra xác định số liệu thẻ BHYT phát hành cho các đối tượng được ngân sách Nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng BHYT năm 2013 là 688.548 thẻ, tương ứng số tiền 197.098.750.773đ.

2. Kiểm tra, rà soát danh sách trẻ em dưới 6 tuổi (trẻ em) khám chữa bệnh (KCB) chưa có thẻ BHYT từ năm 2010 đến năm 2013:

2.1 Các quy định liên quan:

- Luật BHYT (có hiệu lực từ ngày 01/10/2009), quy định trẻ em dưới 6 tuổi được BHXH cấp thẻ BHYT; cho phép trẻ em dưới 6 tuổi khi đi KCB có thể dùng giấy khai sinh, giấy chứng sinh thay cho thẻ BHYT.

- Thông tư số 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14/8/2009 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện BHYT, tại khoản 2, Điều 13 nêu rõ "Trẻ em dưới 6 tuổi khi đi khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình thẻ BHYT; trường hợp chưa có thẻ BHYT thì xuất trình giấy khai sinh hoặc giấy chứng sinh".

- Quyết định số 82/QĐ- BHXH ngày 20/01/2010 của BHXH Việt Nam Ban hành Quy định về tổ chức thực hiện hợp đồng khám chữa bệnh, giám định, chi trả chi phí khám, chữa bệnh, quản lý và sử dụng quỹ BHYT. Tại Phần III quy định Giám định chi phí khám, chữa bệnh BHYT.

- Công văn số 2147/BHXH-CSYT ngày 31/5/2010 của BHXH Việt Nam về việc giải quyết vướng mắt khi KCB BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi chưa có thẻ BHYT, nội dung thứ 3 của quy định về mã thẻ BHYT tạm thời, trong đó:

+ Ba ký tự tại ô thứ năm, được ký hiệu bằng chữ số 000;

+ Năm ký tự cuối (ô thứ sáu): được ký hiệu bằng số trong đó:

** Hai số đầu là ngày sinh của trẻ (với những trẻ sinh từ ngày 1 đến ngày 9 của tháng, được thêm số 0 trước ngày sinh).*

** Hai số tiếp theo là tháng sinh của trẻ (với những trẻ sinh từ tháng 1 đến tháng 9, được thêm số 0 trước tháng sinh).*

** Số cuối cùng là số cuối năm sinh của trẻ (ví dụ trẻ sinh năm 2005, được ghi là 5; trẻ sinh năm 2010, được ghi là 0).*

- Công văn số 531/BHXH-CSYT ngày 10/2/2011 của BHXH Việt Nam hướng dẫn một số vấn đề ứng dụng tin học trong thống kê khám chữa bệnh BHYT. Trong đó:

+ Nội dung 1.1 quy định: "Cơ quan BHXH hướng dẫn cơ sở KCB lập File dữ liệu đầy đủ thông tin trong các cột từ 1 đến 32; cột 33 đến 37 do cơ quan BHXH ghi các thông tin về kết quả giám định và thanh toán chi phí KCB; cột 38 và 39 ghi thông tin phân biệt loại dữ liệu trên cùng một File gửi về BHXH Việt Nam". Trong đó:

** Cột 30: gt_tu, bắt buộc đối với thẻ ngoại tỉnh và trẻ dưới 6 tuổi KCB bằng giấy tờ thay thế.*

** Cột 31: gt_den, bắt buộc đối với thẻ ngoại tỉnh và trẻ dưới 6 tuổi KCB bằng giấy tờ thay thế.*

** Cột 32: diachi, địa chỉ trên thẻ BHYT, trẻ không có thẻ ghi địa chỉ trên giấy tờ thay thế.*

+ Nội dung 2.1 quy định: "ô thứ năm gồm ba ký tự số, ghi "000", xác định trẻ chưa có thẻ BHYT";

+ Khoản 2.3 "Mã đăng ký khám chữa bệnh ban đầu: gồm 5 ký tự, trong đó 2 ký tự đầu là mã tỉnh nơi trẻ cư trú, ba ký tự sau được ghi là "000". Chi phí KCB của trẻ dưới 6 tuổi trong trường hợp này sẽ khấu trừ vào quỹ KCB tại BHXH tỉnh".

- Công văn số 3647/BTC-HCSN ngày 19/3/2012 của Bộ Tài chính về kinh phí khám, chữa bệnh BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi chưa được cấp thẻ. Nội dung thứ 3 quy định: "Sở Tài chính căn cứ báo cáo tổng hợp danh sách trẻ em dưới 6 tuổi đi khám, chữa bệnh nhưng chưa được cấp thẻ BHYT và số kinh phí đã chi khám chữa bệnh từ quỹ BHYT của BHXH cấp tỉnh, thực hiện cấp bổ sung cho cơ quan BHXH cấp tỉnh toàn bộ số kinh phí mà quỹ BHYT đã chi cho khám, chữa bệnh cho số trẻ em dưới 6 tuổi **chưa được cấp thẻ BHYT nhưng mức tối đa không vượt quá số kinh phí bố trí mua thẻ BHYT cho số đối tượng này theo quy định**".

- Thông báo số 442/TB- UBND ngày 10/10/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với BHXH tỉnh: "Giao Sở Tài chính chủ trì, làm việc cụ thể với BHXH tỉnh, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và xã hội để tiến hành kiểm tra chi tiết toàn bộ hồ sơ, thủ tục đề nghị thanh toán chi phí khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi chưa có thẻ BHYT trong 3 năm 2010, 2011 và 2012, đảm bảo các hồ sơ, thủ tục thanh toán phải đầy đủ, chính xác và đúng quy định pháp luật, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31/10/2013".

2.2 Kiểm tra danh sách phát hành thẻ BHYT:

- Danh sách phát hành thẻ BHYT của trẻ em dưới 6 tuổi đã phát hành từ năm 2010 đến năm 2013 ghi tên của trẻ không chính xác, ghi tắt; địa chỉ nơi cư trú chưa cụ thể (chỉ ghi theo xã, phường) hoặc chỉ ghi theo số nhà, đường phố, không ghi xã, phường; họ và tên người giám hộ của trẻ có lúc ghi tên của cha, có lúc ghi tên của mẹ, có lúc không ghi cả tên cha lẫn tên mẹ. Nhiều trường hợp tên cha, mẹ của trẻ không đúng với thực tế, cụ thể: tại danh sách cấp thẻ năm 2012 của BHXH huyện Diên Khánh, có 508 trẻ em của xã Diên Lâm cùng có tên một người mẹ là Bùi Thị Mỹ Hạnh; tại danh sách cấp thẻ năm 2010 của BHXH Nha Trang, trẻ em Trịnh Thị Hà Linh, sinh ngày 06/06/2009, địa chỉ 98 Trần Quý Cáp - Vạn Thắng - NT đã được phát hành 02 thẻ BHYT, trong đó: mã số thẻ TE1560190201074, tên người giám hộ là Mai Phạm Thanh Nam, mã số thẻ TE1560190201020, tên người giám hộ là Lê Thị Tuyết (từ năm 2010 đến năm 2014, trẻ em Trịnh Thị Hà Linh này chưa nhận thẻ BHYT của cả 4 năm), và mẹ

của trẻ em này là Trần Thị Kim Thanh; tương tự, trẻ em Bùi Hữu Nghĩa có tên của mẹ là Đặng Thị Mai Hòa được gắn tên mẹ trên danh sách là Trần Thị Kim Thanh, trẻ em Hứa Minh Tâm có tên của mẹ là Võ Thị Hạnh, được gắn tên là Trần Thị Kim Thanh, trẻ em Trần Khánh Hải có tên của mẹ là Lê Thị Tuyết, được gắn tên là Lê Thị Kim Thái...Tổng số thẻ BHYT gắn sai tên người giám hộ là 10.517 thẻ.

- Danh sách cấp thẻ BHYT của BHXH thành phố Cam Ranh năm 2010, 2011, 2012 có thông tin về ngày, tháng, năm sinh không đúng với thực tế, rất nhiều trường hợp thay đổi ngày sinh thành ngày 01; mã thẻ sai với thực tế; danh sách trẻ em có thẻ BHYT đã phát hành không đầy đủ.

- Danh sách cấp thẻ BHYT cho trẻ em của BHXH huyện Vạn Ninh năm 2012 cung cấp thông tin về mã số thẻ thì ghi họ và tên của người giám hộ (phải ghi là mã số thẻ) 792 trường hợp.

2.3 Kiểm tra danh sách KCB cho trẻ em chưa có thẻ BHYT:

Căn cứ danh sách trẻ em dưới 6 tuổi KCB có thẻ BHYT do BHXH tỉnh Khánh Hòa cung cấp, ngày 10/6/2014, Đoàn Thanh tra cùng BHXH tỉnh đã tiến hành xác minh tại Bệnh viện tỉnh, qua xác minh: thông tin của trẻ trên danh sách và trên giấy khai sinh, giấy chứng sinh lưu tại hồ sơ bệnh án của Bệnh viện không giống nhau về ngày, tháng, năm sinh. Thông tin về nơi cư trú và cha, mẹ của trẻ có nhiều trường hợp không phải là cha, mẹ của trẻ (ghi theo thông tin của người đi cùng với trẻ là cô, dì, chú, bác, anh chị...).

Bệnh viện giải trình: "Việc sai lệch thông tin do nhập dữ liệu theo lời khai của người nhà của trẻ em. Trong đó, thông tin về ngày, tháng, năm sinh sai do người nhà của trẻ chỉ khai năm sinh, chỉ khai ngày tuổi, tháng tuổi. Tùy từng trường hợp bệnh nhân khai, chương trình của máy sẽ xử lý dữ liệu khác nhau. Ví dụ: ngày đi khám bệnh là ngày 10/6/2013, người nhà của trẻ em khai 3 ngày tuổi, thì nhập dữ liệu 3 ng, máy thể hiện ngày sinh của trẻ là ngày 07/6/2013; người nhà khai 3 tháng tuổi, thì nhập dữ liệu 3 th, máy thể hiện ngày sinh là 10/3/2013; người nhà khai 3 tuổi, thì nhập dữ liệu là 3, máy sẽ thể hiện là ngày sinh là 10/6/2010. Thực tế, việc nhập dữ liệu chỉ nhập số "3", không nhập các ký tự "ng", "th", do đó chương trình của máy đều thể hiện ngày, tháng, năm, sinh của trẻ có 3 ngày tuổi, 3 tháng tuổi, 3 năm tuổi giống nhau ngày sinh là 10/6/2010".

Qua xác minh, Đoàn Thanh tra đề nghị BHXH tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm phối hợp với các cơ sở khám, chữa bệnh ở các huyện, thị, thành phố, căn cứ hồ sơ bệnh án, hoàn thành dữ liệu có thông tin đúng chuyển cho Đoàn Thanh tra để tiếp tục rà soát, kiểm tra.

Sau khi kiểm tra dữ liệu đã được điều chỉnh, ngày, tháng, năm sinh của trẻ chỉ được điều chỉnh lại một phần của danh sách; việc điều chỉnh có nhiều trường hợp chỉ điều chỉnh ngày sinh, hoặc tháng sinh, còn năm sinh không điều chỉnh; ngày, tháng sau khi điều chỉnh được thay đổi tăng thêm hoặc giảm 01 ngày, 02 ngày; 01 năm; hoặc chỉ điều chỉnh ngày sinh, hoặc tháng sinh, còn năm sinh thì không điều chỉnh, ví dụ:

Họ và tên	Ngày sinh theo DS KCB	Ngày sinh thực tế
Con bà Hồ Thị Huyền Anh	26/10/2008	23/10/2011
Con bà Nguyễn Thị Kim Liên	08/11/2010	18/11/2011
Con bà Nguyễn Thị Nam Phương	07/09/2011	09/09/2011
Con bà Nguyễn Thị Phương Vy	17/02/2011	16/02/2011
Con bà Nguyễn Thị Thu Lan	19/10/2011	20/10/2011
Con bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	10/02/2011	12/02/2011
Con bà Nguyễn Thị Ngời	09/07/2011	09/07/2012
Con bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	26/07/2011	26/07/2012

2.4 Kết quả kiểm tra, rà soát:

Trẻ em dưới 6 tuổi KCB chưa có thẻ BHYT được BHXH các huyện, thị, thành phố quyết toán hàng quý cùng với trẻ em đã có thẻ BHYT. Trong đó trẻ em chưa có thẻ BHYT được ghi theo mã thẻ tạm quy định tại Công văn số 2147/BHXH-CSYT ngày 31/5/2010 và Công văn số 531/BHXH-CSYT ngày 10/02/2011 của BHXH Việt Nam (có "000" giữa mã thẻ); ngày, tháng, năm sinh của trẻ khám bệnh năm 2010 thể hiện ở năm ký tự cuối của mã thẻ tạm; ngày tháng năm sinh của trẻ từ năm 2011 đến 2013 thể hiện ở cột 30 của phụ lục 1.

Như vậy danh sách khám chữa bệnh của trẻ em chưa có thẻ BHYT đã được cơ quan BHXH lưu giữ tại thời điểm quyết toán hàng quý, nhưng cơ quan BHXH không tự rà soát với danh sách trẻ em đã được cấp thẻ để loại trừ những trường hợp trẻ em đã có thẻ BHYT, danh sách trẻ ở ngoài tỉnh để thanh toán với cơ quan BHXH ngoài tỉnh trước khi đề nghị Sở Tài chính cấp kinh phí.

Thực tế, BHXH tỉnh đã đề nghị các cơ sở khám chữa bệnh thống kê lại danh sách trẻ em khám chữa bệnh và chuyển cho Đoàn Thanh tra kiểm tra, rà soát. Danh sách đã cung cấp không đầy đủ thông tin (chỉ có năm sinh, không có ngày, tháng sinh; không có địa chỉ), sai ngày, tháng, năm sinh, tiền đề nghị thanh toán có trường hợp cao hơn chi phí đã thanh toán (Bệnh viện tỉnh chi phí khám chữa bệnh quý 2/2012 đã kê cả chi phí dịch vụ cá nhân tự chi trả 50.417.165đ). Nhiều trường hợp ghi trẻ em có năm sinh không hợp lý, hợp lệ (sinh năm 1905, 1900, năm 2003, năm 0203, 3 th, 5 th...); đặc biệt năm sinh của trẻ được ghi sau thời gian đi khám bệnh (năm vào viện khám bệnh là 2011, 2012 nhưng năm sinh của trẻ em là năm 2014, 2017...); thời gian đề nghị thanh toán chi phí khám chữa bệnh trước khi trẻ em vào viện (đề nghị thanh toán năm 2011, vào viện là năm 2012); hoặc không ghi ngày, tháng, năm vào viện.

Đoàn Thanh tra thực hiện việc kiểm tra, rà soát đối với những trẻ em có các thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, địa chỉ (và những trường hợp không có thông tin về cha, mẹ của trẻ vẫn xem xét). Đoàn không xem xét danh sách các trẻ em không có ngày, tháng sinh, không có địa chỉ; trẻ em có ngày, tháng, năm sinh không hợp lệ, hợp lý, quá 6 tuổi, trẻ em có địa chỉ ngoài tỉnh; xác định kinh phí được cấp bổ sung cho cơ quan BHXH theo quy định tại Công văn

số 3647/BTC-HCSN ngày 19/3/2012 của Bộ Tài chính về kinh phí khám, chữa bệnh BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi chưa được cấp thẻ. Kết quả như sau:

- BHXH tự điều chỉnh giảm 1.945 lượt khám, giảm chi phí 196.279.507đ.
- Trẻ em có địa chỉ ngoài tỉnh 306 lượt khám, chi phí 180.796.121đ.
- Trẻ em không đầy đủ thông tin, không hợp lý, hợp lệ: 35.625 lượt khám, chi phí 3.588.014.438đ (năm 2010: 1.485.432.431đ; năm 2011: 703.419.931đ; năm 2012: 1.398.316.760đ; năm 2013: 845.316đ).
- Trẻ em đã có thẻ trước khi KCB (đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí mua thẻ BHYT) 31.113 lượt khám, chi phí 5.568.619.109đ.
- Trẻ em đã được cấp thẻ sau khi KCB 11.875 lượt khám (8.358 trẻ em), chi phí 5.927.323.391đ, kinh phí được xác định 828.627.992đ.
- Trẻ em chưa được cấp thẻ BHYT (chưa được cấp trong năm khám chữa bệnh) 24.464 lượt khám (18.244 trẻ em), chi phí 10.790.748.001đ, kinh phí được xác định là 4.572.130.472đ.

Như vậy trẻ em dưới 6 tuổi khám chữa bệnh chưa có thẻ BHYT các năm 2010, 2011, 2012, 2013 được xác định kinh phí là 5.400.758.464đ (số liệu tại bảng kê kèm theo), so với chi phí đề nghị tại Công văn số 950/BHXH-KHTC ngày 02/6/2014 của BHXH tỉnh về việc kiểm tra, rà soát dữ liệu trẻ em dưới 6 tuổi khám, chữa bệnh chưa có thẻ BHYT năm 2010, 2011, 2012, 2013 số tiền 26.251.780.567đ là 20,57% (=5.400.758.464đ/26.251.780.567đ).

- Năm 2010: 865.806.587đ.
- Năm 2011: 876.617.438đ.
- Năm 2012: 1.279.320.452đ.
- Năm 2013: 2.379.013.987đ.

III. KẾT LUẬN:

BHXH tỉnh Khánh Hòa có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, phát hành thẻ BHYT kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm và các đối tượng được hưởng chính sách. Thẻ trùng năm 2013 đã giảm so với năm 2011, năm 2012 do BHXH tỉnh đã kịp thời chỉ đạo BHXH các huyện, thị, thành phố và Văn phòng tỉnh tự kiểm tra, rà soát, tự giảm 4.596 thẻ, giảm 1.336.025.002đ.

Tuy nhiên, qua thanh tra BHXH có một số thiếu sót, còn hạn chế sau:

1. Công tác kiểm tra, rà soát dữ liệu trước khi in thẻ BHYT còn hạn chế, nhập thông tin của người được cấp thẻ BHYT không đầy đủ, không chính xác.

2. Phát hành thẻ BHYT sau khi tự rà soát vẫn còn trùng giữa các đối tượng và trong cùng một đối tượng, phải giảm 1.068 thẻ, giảm quyết toán 667.758.714đ. Trong đó đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi có thẻ trùng chiếm 63,76% (= 681 thẻ/1.068 thẻ).

3. Danh sách phát hành thẻ BHYT hàng năm cho trẻ em cung cấp cho Đoàn Thanh tra không chính xác, gồm:

- BHXH thành phố Cam Ranh: danh sách cấp thẻ BHYT năm 2010, 2011, 2012 có nhiều trường hợp sai lệch thông tin của trẻ về ngày, tháng, năm sinh, mã thẻ; số lượng trẻ em được cấp thẻ vừa thiếu, vừa thừa so với danh sách phát hành thẻ BHYT thực tế do cán bộ tại các huyện không kiểm tra dữ liệu trước khi cung cấp cho Đoàn Thanh tra.

- BHXH huyện Diên Khánh: thông tin người giám hộ của 508 thẻ BHYT phát hành năm 2012 cho trẻ em xã Diên Lâm có chung một người mẹ Bùi Thị Mỹ Hạnh.

- BHXH thành phố Nha Trang: thông tin người giám hộ của trẻ đã phát hành thẻ BHYT năm 2010 không đúng tên của cha (hoặc mẹ) của trẻ là 10.517 thẻ.

- BHXH huyện Vạn Ninh: thông tin mã thẻ BHYT đã cấp được thể hiện là tên người giám hộ của trẻ là 792 thẻ.

4. Danh sách trẻ em KCB cung cấp cho Đoàn Thanh tra có 35.625 lượt khám không thể hiện ngày sinh, tháng sinh (chỉ có năm sinh); hoặc năm sinh không hợp lý, hợp lệ với số tiền 3.588.014.438đ. Việc sai sót này do Trưởng phòng Giám định BHXH tỉnh không tham mưu cho Giám đốc BHXH về danh sách KCB của trẻ em chưa có thẻ đã được phòng Giám định BHXH lưu giữ sau khi quyết toán hàng quý.

5. Phòng Giám định duyệt chi phí KCB cho trẻ em ngoài tỉnh 306 lượt khám, chi phí 180.796.121đ nhưng đề nghị ngân sách địa phương cấp kinh phí.

6. Số tiền BHXH đề nghị Sở Tài chính cấp kinh phí là 26.251.780.567đ, thực tế chỉ được xác định 5.400.758.464đ. Việc đề nghị sai này có thể dẫn đến việc chi ngân sách không đúng. Trách nhiệm chính thuộc về Trưởng phòng Giám định BHXH tỉnh không phối hợp với phòng Công nghệ thông tin để tự kiểm tra, rà soát dẫn đến đề nghị cấp kinh phí không đúng quy định của Bộ Tài chính.

IV. KIẾN NGHỊ

Từ những nội dung đã nêu ở phần kết luận, Sở Tài chính kiến nghị:

♦ Đối với BHXH tỉnh Khánh Hòa:

1. Thực hiện đúng quy định tại hướng dẫn Liên ngành Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và xã hội, BHXH tỉnh số 1299/HDLN-BHXH-LĐTBXH-TC ngày 16/10/2013 về việc kiểm tra, rà soát trong quá trình lập danh sách đề nghị in thẻ, nhập dữ liệu để in thẻ và giao nhận thẻ, quản lý dữ liệu thẻ BHYT đã in, thanh quyết toán nguồn kinh phí mua thẻ BHYT của các đối tượng được ngân sách Nhà nước đảm bảo. Danh sách đề nghị cấp thẻ phải kiểm tra chính xác, đầy đủ các thông tin: ngày, tháng, năm sinh, họ và tên, địa chỉ (phải gắn xã, phường), giới tính; đối với trẻ em dưới 6 tuổi phải chính xác ngày sinh, ghi tên mẹ (nếu không còn mẹ mới ghi tên cha; không còn cha, mẹ thì ghi người giám hộ); đối với đối tượng khác phải ghi số chứng minh nhân dân, thông tin chủ hộ. Trường hợp không có ngày, tháng sinh mà chỉ có năm sinh thì ngày, tháng sinh được ghi ngày 01/01 theo quy định của pháp luật về khai sinh, hộ tịch; tuyệt đối không được tự ghi ngày, tháng sinh. Quy định trách nhiệm đối với cán bộ được phân công nhập danh sách cấp thẻ BHYT.

2. BHXH tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo BHXH các huyện, thị, thành phố cùng địa phương phải kịp thời thu hồi thẻ trùng, giảm dữ liệu thẻ trùng 1.068 thẻ, giảm quyết toán 667.758.714đ. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: giảm 194 thẻ, giảm quyết toán 105.043.050đ.

+ Ngân sách tỉnh: giảm 874 thẻ, giảm quyết toán 562.715.664đ.

3. Hàng năm BHXH tỉnh phải lưu giữ file dữ liệu phát hành thẻ của Văn phòng tỉnh và BHXH 8 huyện, thị, thành phố; tự kiểm tra, rà soát, giảm thẻ trùng.

4. Từ năm 2014, phòng Giám định và phòng Công nghệ thông tin phối hợp trong việc kiểm tra, rà soát danh sách trẻ em KCB chưa có thẻ BHYT để cấp thẻ kịp thời.

5. Trưởng phòng Giám định của BHXH tỉnh có trách nhiệm thanh quyết toán khoản chi phí đã chi cho trẻ em ngoài tỉnh số tiền 180.796.121đ, đồng thời giảm chi quỹ BHYT của BHXH tỉnh.

6. Giám đốc BHXH tỉnh tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm, quy trách nhiệm đối với:

- Lãnh đạo BHXH các huyện, thị, thành phố chưa chỉ đạo triệt để việc kiểm ra, rà soát thẻ BHYT đã phát hành, đúng quy định dẫn đến năm 2013 còn trùng 1.068 thẻ và quyết toán sai số tiền 667.758.714đ.

- Trưởng phòng Giám định BHXH tỉnh cố ý không cung cấp danh sách KCB của trẻ em dưới 6 tuổi chưa có thẻ BHYT đã quyết toán hàng quý, dẫn đến thông tin đã cung cấp cho Đoàn Thanh tra không đúng ngày, tháng, năm sinh; thiếu ngày, tháng sinh; năm sinh, không hợp lý, hợp lệ số tiền 3.588.014.438đ.

♦ Sở Tài chính kính đề nghị UBND tỉnh:

- UBND tỉnh chỉ đạo BHXH tỉnh tiến hành kiểm điểm việc BHXH đề nghị Ngân sách tỉnh thanh toán chi phí KCB cho trẻ em dưới 6 tuổi chưa có thẻ BHYT số tiền 26.251.780.567đ nhưng thực tế qua thanh tra xác định là 5.400.758.464đ.

- Sở Tài chính trình UBND tỉnh cấp kinh phí KCB cho trẻ em dưới 6 tuổi chưa có thẻ BHYT năm 2010 đến năm 2013 đã được xác định là 5.400.758.464đ./.

Nơi nhận:
- BHXH tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- BHXH Việt Nam;
- UBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- Sở LĐ-TBXH;
- Thanh tra tỉnh;
- Trang TT điện tử STC;
- Lưu: VT, TTr, Lan.

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KHÁNH HÒA

Nguyễn Xuân Long

ĐOÀN THANH TRA

KINH PHÍ ĐƯỢC CẤP CHO TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI KHÁM CHỮA BỆNH CHƯA CÓ THẺ BHYT 4 NĂM (2010- 2013)

STT	Đơn vị	Đơn vị tự giảm		DL không đầy đủ, không hợp lệ		DL có thẻ trước khám		DL trẻ tỉnh khác		DL có thẻ sau khám			DL chưa thẻ			Tổng số		
										Số lượt	Số tiền		Số lượt	Số tiền		Số lượt	Số tiền	
		Số lượt	Số tiền	Số lượt	Số tiền	Số lượt	Số tiền	Số lượt	Số tiền		Đề nghị	Được cấp		Đề nghị	Được cấp		Đề nghị	Được cấp
1	BV GTVT	-	-	-	-	2	1.101.676	-	-	-	-	-	-	-	-	2	1.101.676	-
2	BVDL	-	-	-	-	10	505.994	1	21.188	2	60.491	-	5	220.543	220.543	18	808.216	220.543
3	BVT	-	50.417.165	452	60.353.888	3.737	2.580.656.625	198	165.620.491	4.525	4.424.551.054	544.882.050	6.125	7.604.987.995	1.713.370.500	15.037	14.886.587.218	2.258.252.550
4	BVCR	-	-	10.108	569.639.332	6.882	844.499.778	8	1.195.388	1.458	309.955.132	77.456.898	7.996	1.646.976.259	1.556.149.569	26.452	3.372.265.889	1.633.606.467
5	BVNH	-	-	11.116	1.749.487.853	3.882	905.345.172	47	9.339.032	1.461	684.998.769	175.994.648	2.094	675.244.513	457.214.329	18.600	4.024.415.339	633.208.977
6	C.Lâm	-	-	2.314	182.677.751	8.205	411.373.308	17	647.528	892	88.477.968	-	1.532	116.434.776	116.434.776	12.960	799.611.271	116.434.776
7	D.Khánh	1.888	139.287.149	3.304	584.286.610	1.716	209.628.717	21	2.281.357	1.024	150.179.340	988.297	1.552	191.693.577	191.693.577	9.505	1.277.356.750	192.681.874
8	K.Sơn	-	-	1.941	117.813.896	1.676	151.820.656	2	126.119	1.130	132.003.246	9.443.716	973	132.855.237	132.855.237	5.722	534.619.154	142.298.953
9	K.Vĩnh	57	6.575.193	56	17.586.475	61	17.810.974	-	-	54	15.113.364	5.392.800	81	25.243.545	25.243.545	309	82.329.551	30.636.345
10	V.Ninh	-	-	1.890	61.319.027	709	109.135.246	8	1.210.652	186	50.198.943	14.469.583	1.700	239.494.001	221.350.841	4.493	461.357.869	235.820.424
11	C.Ranh	-	-	201	9.343.441	1.685	97.540.554	1	50.721	654	34.738.348	-	1.387	73.955.641	73.955.641	3.928	215.628.705	73.955.641
12	N.Trang	-	-	2.080	73.672.949	141	7.424.119	-	-	35	983.702	-	50	1.694.287	1.694.287	2.306	83.775.057	1.694.287
13	N.Hòa	-	-	2.163	161.833.216	2.407	231.776.290	3	303.645	454	36.063.094	-	969	81.947.627	81.947.627	5.996	511.923.872	81.947.627
	TỔNG	1.945	196.279.507	35.625	3.588.014.438	31.113	5.568.619.109	306	180.796.121	11.875	5.927.323.391	828.627.992	24.464	10.790.748.001	4.572.130.472	105.328	26.251.780.567	5.400.758.464

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 8 năm 2014

ĐOÀN THANH TRA

CHÁNH THANH TRA

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI KHÁNH HÒA

Biểu số 01

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, RÀ SOÁT CẤP THẺ BHYT CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC NSNN HỖ TRỢ MỨC ĐÓNG NĂM 2013

TT	Thứ tự đối tượng tham gia BHYT	Số thẻ BHYT đã phát hành		Số liệu xác định lại			Số liệu cấp trùng thẻ BHYT		Tổng Số thẻ có trùng
		Số người	Số tiền	Số người	Mức NSNN đóng, hỗ trợ	Số tiền	Số người	Số tiền	
A	B	1	2	3	4	5=3*4	6=1-3	7=2-5	
	Tổng số	**689.616**	**197.766.509.487**	**688.548**		**197.098.750.773**	**1.068**	**667.758.714**	**1.311**
1	Cán bộ xã đã nghỉ việc hưởng trợ cấp NSNN hàng tháng	8	4.752.000	8		4.752.000	0	0	0
2	Người có công với cách mạng	4.325	2.518.587.000	4.325		2.518.587.000	0	0	0
3	Cựu chiến binh	969	573.783.750	969		573.783.750	0	0	0
4	Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ	487	50.922.000	487		50.922.000	0	0	0
5	Đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân đương nhiệm	1.177	687.395.250	1.172		685.730.250	5	1.665.000	0
6	Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng thán	23.535	13.379.941.666	23.527		13.370.586.166	8	9.355.500	15
7	Người nghèo, dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng ĐBKK	82.608	47.188.487.250	82.562		47.149.438.500	46	39.048.750	167
8	Thân nhân của người có công với cách mạng	1.486	772.564.500	1.480		769.387.500	6	3.177.000	0
9	Thân nhân của lực lượng vũ trang, cơ yếu	0	0	0		0	0	0	0
	- Thân nhân của lực lượng quân đội nhân dân	0	0	0		0	0	0	0
	- Thân nhân của công an nhân dân	4.194	2.406.802.500	4.023		2.305.696.500	171	101.106.000	8
	- Thân nhân của người làm công tác cơ yếu	0	0	0		0	0	0	0
10	Trẻ em dưới 6 tuổi	126.164	63.187.296.750	125.483		62.820.026.550	681	367.270.200	310
11	Người đã hiến bộ phận cơ thể	0	0	0		0	0	0	0
12	Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	74.383	35.827.234.871	74.292		35.697.214.907	91	130.019.964	433
13	Học sinh, sinh viên huyện, tỉnh	342.951	29.706.686.550	342.908		29.691.330.300	43	15.356.250	366
	Học sinh, sinh viên NS TW	27.329	1.462.055.400	27.312		1.461.295.350	17	760.050	12

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 5 năm 2014

KT. Giám đốc
Phó Giám đốc

Người lập bảng	Trưởng Phòng Thu	
Phan Hoàng Liên	Bùi Đăng An	Lê Hùng Chính

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH KHÁNH HÒA